TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7- **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 432/2026/QĐST-HNGĐ	*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 03 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 237/2026/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 01 năm 2026 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông Dương Huỳnh N, sinh năm 19xx;

Căn cước công dân: 07709xxxxxx do Cục trưởng Cục CSQLHC về TTXH cấp ngày 28/4/2023.

Địa chỉ thường trú: thôn Đ, Xã N, Thành phố C.

Địa chỉ tạm trú: xxx/yy/87E đường Q, Khu phố 43, Phường T, Thành phố C.

- Bà Nguyễn Ngọc T, sinh năm 20xx;

Căn cước công dân: 07930xxxxxx do Cục trưởng Cục CSQLHC về TTXH cấp ngày 24/10/2023.

Địa chỉ thường trú: xx/5C đường N, Khu phố 15, Phường P, Thành phố C.

Địa chỉ tạm trú: 5.11 Chung cư P, xxx/126 Đường Đ, khu phố 9, Phường A, Thành phố C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Hôn nhân giữa ông Dương Huỳnh N và bà Nguyễn N T là hôn nhân tự nguyện và hợp pháp được pháp luật công nhận theo Giấy chứng nhận kết hôn số xx do Ủy ban nhân dân Phường X, Quận P, Thành phố C (nay là Ủy ban nhân dân Phường P, Thành phố C), cấp ngày 13/6/2024.

[2] Theo Đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự ghi ngày 12/01/2026; Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 04/03/2026, ông Dương Huỳnh N và bà Nguyễn N T yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn; về con chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết; về tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết; về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Tòa án đã hòa giải đoàn tụ nhưng không thành. Xét thấy, ông Dương Huỳnh N và bà Nguyễn N T tự nguyện ly hôn và không yêu cầu giải quyết về con chung, tài sản chung, nợ chung nên Tòa án ghi nhận.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 04/03/2026, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: ông Dương Huỳnh N và bà Nguyễn N T thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số xx do Ủy ban nhân dân Phường X, Quận P, Thành phố C (nay là Ủy ban nhân dân Phường P, Thành phố C), cấp ngày 13/6/2024 không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Lệ phí yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng do ông Dương Huỳnh N và bà Nguyễn N T chịu nên được cấn trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0009205 ngày 29/01/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh, ông Dương Huỳnh N và bà Nguyễn N T đã nộp đủ lệ phí.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND Tp. HCM;
- VKSND Khu vực 7 – Tp.HCM;
- Thi hành án Dân sự Tp.HCM;
- UBND phường P, TP. C(để ghi vào sổ hộ tịch đối với Giấy chứng nhận kết hôn số 34 ngày 13/6/2024);
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

(đã ký tên và đóng dấu)

Phạm Thị Minh Thảo